

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN**

---***---

Bản án số: 11/2019/HSST

Ngày: 07/3/2019

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Hòa và bà Lê Thị Oanh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang Vân –Thư ký tòa án.

- Đại diện VKSND huyện Khoái Châu: Bà Lê Thị Chung - KSV.

Ngày 07 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2019/TLST-HS, ngày 02/01/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HS ngày 25/02/2019 đối với bị cáo: Họ và tên: **Trần Văn L**, sinh năm 1976;

- Nơi cư trú: thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: lao động tự do. Con ông: Trần Tiến A và bà Phan Thị B; Anh, chị em ruột: có 02 người, bị cáo là lớn; có vợ Hoàng Thị C, sinh năm 1974 và 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2007.

- Tiền án, tiền sự: chưa có.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Khoái Châu (Có mặt tại phiên tòa).

***/ Người bị hại:**

1/ Ông Trần Tiến A, sinh năm 1951;

Trú tại: thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Có mặt tại phiên tòa).

2/ Bà Phan Thị B, sinh năm 1951;

Trú tại: thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên. (Có mặt tại phiên tòa).

***/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Chị Hoàng Thị C, sinh năm 1974;

Trú tại: thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Có mặt tại phiên tòa).

***/ Những người làm chứng:**

1/ Ông Phan Văn H, sinh năm 1963;

2/ Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1956;

3/ Anh Lê Văn M, sinh năm 1983.

Đều trú tại; thôn Y, xã D, huyện K, tỉnh Hưng Yên (Đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 02/12/2017, Trần Văn L sau khi đi uống rượu về bức xúc về việc ông Trần Tiến A sinh năm 1951 ở thôn Y, xã D, huyện K là bố đẻ của L không đồng ý bán đất để cho L lấy tiền làm ăn. Khi về đến nhà ông A thấy cửa nhà đóng, L gọi ông A nhưng không có ai trả lời, L mở cửa vào trong nhà không thấy ông A đâu, sẵn bực tức trong người, thấy chiếc xe mô tô biển số 29 - 592 - S8 và 01 chiếc xe đạp mini màu trắng đang dựng ở trong nhà L dắt 02 chiếc xe trên mang ra khu vực đường bê tông trước cửa nhà và để nghiêng cả 02 chiếc xe xuống đường. L thấy ở nắp bình xăng của xe mô tô có xăng chảy ra ngoài, L lấy bật lửa ga trong túi quần ra bật lên rồi châm vào khu vực xăng đổ ra thì lửa bùng lên làm cả chiếc xe mô tô và chiếc xe đạp mini bốc cháy hoàn toàn. Ngoài ra L còn kéo lê làm bẹp phần đế 01 nồi cơm điện của ông A. L đứng nhìn đám cháy một lúc rồi đi về nhà ngủ. Đến khoảng 02 giờ ông A về nhà thấy đồ vật bị hủy hoại nên ông A đã có đơn trình báo Công an xã D. Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định tài sản bị thiệt hại đồng thời tiến hành thu thập lời khai của người bị hại, người làm chứng và những người liên quan khác.

Ngày 12/12/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra đã có quyết định trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Khoái Châu đối với 01 chiếc xe đạp mini, 01 chiếc xe mô tô và 01 nồi cơm điện đều đã qua sử dụng. Tại bản kết luận định giá tài sản số 79/KL-ĐG ngày 24/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Khoái Châu kết luận:

Căn cứ theo Công văn số 201/CQ.CSĐT ngày 05/02/2018, Hội đồng định giá không có đủ cơ sở để xác định giá trị thiệt hại của 01 xe đạp loại xe mini, tình trạng đã qua sử dụng, đã bị đốt cháy biến dạng, không xác định rõ model. Tổng giá trị thiệt hại của chiếc xe mô tô và nồi cơm điện là 2.550.000đồng .

Ngày 12/10/2018 ông Trần Văn A lại có đơn trình báo L vẫn tiếp tục có biểu hiện muốn đập phá tài sản của gia đình. Ngày 12/10/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra đã có lệnh bắt bị L để tạm giam.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Trần Văn L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội vào ngày 02/12/2017 như đã nêu ở trên.

Tại bản cáo trạng số 10/QĐ-VKSKC, ngày 28/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố: Trần Văn L về tội “Hủy hoại tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 178 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (BLHS năm 2015).

[1] Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo L và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội “Hủy hoại tài sản”; Đề nghị áp dụng điểm d khoản 2 Điều 178; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm d khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 của BLHS năm 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo L từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, tính

từ ngày bắt để tạm giam 12/10/2018; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo L; Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra đối với bị cáo.

[2] Bị cáo L nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải, nói lời xin lỗi ông A và bà B đồng thời nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở mức án thấp nhất.

[3] Người bị hại là ông Trần Tiến A và bà Hoàng Thị B trình bày:

- Về trách nhiệm dân sự: Chị Hoàng Thị C, sinh năm 1974 ở thôn Y, xã D, huyện K (là vợ của L) đã tự nguyện thay L bồi thường cho ông A, bà B số tiền 2.500.000đ. Ông A đã nhận số tiền trên và không có yêu cầu đề nghị gì. Đối với chiếc xe đạp theo ông A, bà B trình bày giá trị chiếc xe đạp tại thời điểm hủy hoại là 50.000đ và bị cáo cũng nhất trí nhưng ông A, bà B không yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc xe đạp.

- Về trách nhiệm hình sự: Mặc dù bị cáo hủy hoại tài sản của ông A, bà B nhưng bị cáo cũng là con của ông A, bà B. Sau khi phạm tội bản thân L cũng đã ăn năn hối B về hành vi phạm tội của mình, đã từng gửi lời xin lỗi bố mẹ và tại phiên tòa hôm nay cũng đã xin lỗi ông A, bà B. Sau khi hủy hoại tài sản thì chính bị cáo còn cầu xin chị C (vợ của bị cáo) đứng ra bồi thường trả ông A, bà B số tiền 2.500.000đ. Nên ông A, bà B đề nghị Hội đồng xét xử tạo cơ hội cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm, xử bị cáo với mức án thấp nhất.

[4] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị C trình bày: Sau khi chồng chị là bị cáo L phạm tội thì rất hối hận, mặc dù ông A và bà B không yêu cầu về trách nhiệm dân sự nhưng bị cáo L vẫn nhờ chị đứng ra thay bị cáo bồi thường cho ông A, bà B tiền và thay L chăm sóc ông A, bà B. Nên chị đã tự nguyện bồi thường trả cho ông A, bà B số tiền 2.500.000đ. Số tiền này là tiền của chung vợ chồng nên chị không có yêu cầu đề nghị gì.

[5] Những người làm chứng ông Phan Văn H, bà Hoàng Thị X, anh Lê Văn M đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên trong hồ sơ vụ án, họ đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt của họ tại phiên tòa hôm nay, không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 293 của Bộ luật tố tụng năm 2015 (BLTTHS năm 2015) vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NB ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố

tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu đã yêu cầu Hội đồng định giá (HĐĐG) tài sản trong Tố tụng hình sự huyện K tiến hành định giá xác định giá trị của 01 chiếc xe đạp mini, 01 chiếc xe mô tô và 01 nồi cơm điện đều đã qua sử dụng. Tuy nhiên, vì 01 xe đạp loại xe mini, tình trạng đã qua sử dụng, đã bị đốt cháy biến dạng, không xác định rõ model. Trong khi người bị hại ông A và bà B lại không cung cấp, xuất trình được bất cứ tài liệu, chứng cứ nào liên quan đến nguồn gốc xuất xứ của chiếc xe đạp nói trên. Nên tại bản kết luận định giá tài sản số 79/KL-ĐG ngày 24/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Khoái Châu kết luận: không có đủ cơ sở để xác định giá trị thiệt hại của 01 xe đạp loại xe mini, tình trạng đã qua sử dụng, đã bị đốt cháy biến dạng, không xác định rõ model nên không định giá được là có căn cứ, phù hợp với quy định điểm tại điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018, quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của HĐĐG tài sản. Tại cơ quan điều tra ông A trình bày trị giá của 01 chiếc xe đạp mini đã bị L đốt cháy trị giá khoảng 1.000.000đ. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà B trình bày chiếc xe đạp của bà tại thời điểm bị hủy hoại cũng chỉ đáng giá 50.000đ được ông A và bị cáo L đồng ý nhất trí.

Xét thấy, việc thỏa thuận về giá trị tài sản giữa ông A, bà B và bị cáo L như trên là không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận vào khoảng 01 giờ 00 phút ngày 02/12/2017 Trần Văn L đã có hành vi hủy hoại tài sản của ông A và bà B. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với: Biên bản xác định tình trạng thiệt hại hư hỏng tài sản; Biên bản khám nghiệm hiện trường; Biên bản định giá tài sản; Kết luận định giá tài sản; Lời khai của người bị hại ông Trần Tiến A và bà Phan Thị B, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị C, lời khai của những người làm chứng ông Phan Văn H, bà Hoàng Thị X, anh Lê Văn M. Do vậy có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 02/12/2017, Trần Văn L đã có hành vi dùng bật lửa châm vào vị trí xăng đồ và đốt cháy 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 29-592-S8 trị giá 2.400.000đ; 01 chiếc xe đạp mini trị giá 50.000đ và làm vỡ 01 chiếc nồi cơm điện Shap màu trắng có mã sản phẩm KS-19ETV, dung tích 1,8l trị giá 150.000đ của ông Trần Tiến A và bà Phan Thị B ở thôn Y, xã D, huyện K. Hậu quả đã làm những tài sản trên bị hư hỏng hoàn toàn. Tổng giá trị thiệt hại của các tài sản nêu trên là 2.600.000đ. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố bị cáo Trần Văn L theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng 10/QĐ-VKSKC, ngày 28/12/2018 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn L là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được coi là quyền bất khả xâm phạm, được pháp luật bảo vệ. L đã có hành vi dùng bật lửa châm vào vị trí xăng đồ để hủy hoại 01 chiếc

xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 29-592-S8; 01 chiếc xe đạp mini và làm vỡ 01 chiếc nồi cơm điện của ông Trần Tiến A làm cho các tài sản trên mất hẳn giá trị sử dụng, không còn khả năng khôi phục. Mặc dù L không phải là người chuẩn bị xăng, dùng xăng để tẩm vào các tài sản nêu trên để châm lửa đốt nhằm hủy hoại tài sản, nhưng L là người có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên buộc L phải nhận thức được xăng là chất dễ cháy, hoặc tự bốc cháy trong một môi trường nhất định nhưng L vẫn dùng bật lửa để châm vào vị trí xăng chảy ra với mục đích nêu trên thì hành vi về mặt khách quan đã thỏa mãn điểm d khoản 2 Điều 178 của BLHS năm 2015. Hành vi hủy hoại tài sản của bị cáo L đối với tài sản của bố mẹ để ra mình còn thể hiện sự xuống cấp trầm trọng về đạo đức, khiến xã hội hoang mang lo lắng về đạo hiếu của những kẻ làm con, gây bức xúc trong dư luận, ảnh hưởng trực tiếp đến sự an toàn xã hội nói chung và gây mất trật tự trị an tại địa phương nói riêng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, khả năng nhận thức để biết được hủy hoại tài sản của người khác bị pháp luật ngăn cấm nhưng vẫn làm, điều đó chứng minh ý thức coi thường luật của bị cáo. Do vậy, hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc trước pháp luật.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Xét về nhân thân:

Mặc dù bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng không có công ăn việc làm ổn định, thường xuyên có biểu hiện chửi bới, đập phá đồ đạc trong gia đình.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bản thân bị cáo đang trong độ tuổi lao động nhưng không tự mình tìm kiếm cơ hội cho mình mà lại yêu cầu bố mẹ bán đất để bị cáo lấy vốn làm ăn nhưng không được đáp ứng thì bị cáo nhiều lần tức giận vô cớ, giận cá chém thớt, chửi bới, thậm chí đánh đập và đốt tài sản của ông A, bà B. Điều đó thể hiện tính côn đồ, hung hãn trong hành vi của bị cáo. Do vậy, bị cáo bị áp dụng 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội có tính chất côn đồ được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 của BLHS năm 2015.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải; Sau khi phạm tội bị cáo đã tác động đến vợ bị cáo là chị C để chị C thay bị cáo bồi thường cho người bị hại; Phạm tội nhưng giá trị thiệt hại không lớn; Bố mẹ bị cáo là ông Trần Tiến A và bà Phan Thị B đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất, hạng nhì; Người bị hại là ông A còn có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo, tuy nhiên đây là vụ án khởi tố theo quy định của pháp luật chứ không phải khởi tố theo yêu cầu người bị hại, nên việc người bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015. Nên bị cáo L được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 (02 tiết)

Điều 51 của BLHS năm 2015 để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

[5] Hội đồng xét thấy mặc dù bị cáo có chưa có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015. Nhưng bị cáo phạm tội nghiêm trọng, phạm tội có tính chất côn đồ. Vì vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, có như vậy mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người làm ăn lương thiện, có ích cho xã hội, biết tôn trọng tính mạng, sức khỏe và tài sản của người khác, có ý thức tuân thủ pháp luật và các nguyên tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa bị cáo phạm tội mới, đồng thời cũng có tác dụng răn đe giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên, bên cạnh chính sách nghiêm trị, trừng phạt thì pháp luật hình sự vẫn luôn ghi nB chính sách khoan hồng đối với người phạm tội. Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS. Bị cáo L có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm d khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015, nhưng sau khi đối trừ tình tiết tăng nặng với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định thì số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự vẫn nhiều hơn số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự 04 tình tiết (trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự). Vì vậy, HĐXX quyết định áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 54 của BLHS năm 2015 để thể hiện rõ tinh thần của tư tưởng nhân đạo và nhân văn trong pháp luật hình sự nước ta hiện nay.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên Hội đồng xét xử thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu về mức hình phạt là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có tài sản riêng, nên không áp dụng khoản 5 Điều 178 của BLHS năm 2015 để phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Chị C đã thay bị cáo bồi thường cho ông A, bà B 2.500.000đ, ông A đã nhận số tiền trên và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm nữa nên trách nhiệm dân sự không đặt ra đối với bị cáo.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo L phải chịu án phí HSST là 200.000đ theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm d khoản 2 Điều 178; điểm b, h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm d khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54 của BLHS năm 2015; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn L phạm tội “Hủy hoại tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn L 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, tính từ ngày bắt để tạm giam 12/10/2018.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo L.

Về án phí: Buộc bị cáo L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/3/2019).

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

TP-Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Khoái Châu;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- CA huyện Khoái Châu;
- Bị cáo; Bị hại; Người có QLNVLQ;
- Phòng kiểm tra - TAND tỉnh;
- Chi cục thi hành án huyện K/C;
- UBND xã D;
- Lưu HSVA.

Nguyễn Thị Thu Hương